

Bản án số: 118/2026/HS-ST
Ngày: 29-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Huy Luận

ông Nguyễn Trung Lưu

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Quỳnh T2 - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Chu Đức Thọ - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2026/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 127/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. MAI VĂN C (tên gọi khác: không) sinh năm 2008 tại tỉnh Bình T (nay là tỉnh Lâm Đồng). Nơi cư trú: khu phố 10, phường P, thành phố P, tỉnh Bình T (nay là tổ dân phố 43, phường P, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn D, sinh năm 1978 và bà Lê Thị U, sinh năm 1978; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: chưa có.

Tiền án: Ngày 18/3/2025, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng) xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HSST. Chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 20/11/2025, bị Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2025/HSST, tổng hợp với hình phạt tại Bản án số 90/2025/HSST, buộc MAI VĂN C chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 năm 10 tháng tù.

Bị cáo MAI VĂN C hiện đang chấp hành hình phạt của 02 Bản án trên, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/5/2025; được trích xuất về Phân trại tạm giam khu vực Phan Thiết (cơ sở 1) - Trại tạm giam số 3, Công an tỉnh Lâm Đồng, có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN G (tên gọi khác: B) sinh năm 2000 tại tỉnh Bình T (nay là tỉnh Lâm Đồng). Nơi cư trú: khu phố 2, phường H, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình T (nay là tổ dân phố 30, phường P, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: lao động

tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; vợ: Kiều Ngọc Diệu H, sinh năm 2004; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

Ngày 12/11/2025 bị Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tại Bản án số 150/2025/HSST.

Ngày 28/4/2026, bị Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng xử phạt 01 năm tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 66/2026/HS-ST.

Bị cáo NGUYỄN VĂN G hiện đang chấp hành hình phạt tù của 02 Bản án nêu trên, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2025 tại Phân trại tạm giam Khu vực Phan Thiết (cơ sở 1) - Trại tạm giam số 3, Công an tỉnh Lâm Đồng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Ông **Đàm Văn A**, sinh năm 2005, vắng mặt
Địa chỉ: tổ dân phố 7, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Trịnh Đức T**, sinh năm 1989, vắng mặt
Địa chỉ: 32 N, phường P, tỉnh Lâm Đồng,

- Người làm chứng:

1. Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm 2009, vắng mặt
Địa chỉ: khu phố 5, phường B, tỉnh Lâm Đồng
2. Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 2004, vắng mặt
Địa chỉ: tổ dân phố 30, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29/4/2025, MAI VĂN C gặp Đàm Văn A tại Công viên T thuộc phường P, tỉnh Lâm Đồng. Do có quen biết nhau từ trước nên C mượn chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F màu trắng cam của A để sử dụng và nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này. Lúc này, ông Đàm Văn B (sinh năm 1981, là cha ruột của A) cũng đang có mặt, không đồng ý cho C mượn nên yêu cầu C trả lại điện thoại cho A. Sau khi trả lại điện thoại cho A, C và A đi bộ đến Công viên Tháp nước gần đó. Trên đường đi, C tiếp tục hỏi mượn điện thoại của A để chiếm đoạt, A không biết C có ý định chiếm đoạt điện thoại của mình nên đồng ý. Khi mượn được điện thoại, C dùng điện thoại của A gọi cho NGUYỄN VĂN G nhưng không liên lạc được, sau đó C dùng điện thoại của mình

gọi cho G qua ứng dụng Messenger, nhờ G đến Công viên Vườn bông để chờ C đi bán điện thoại của A. G lúc này tưởng C nhờ chờ đi bán điện thoại của C nên đồng ý.

Một lúc sau, G điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen, biển số 86B4-126.77 mượn của Nguyễn Ngọc T đến khu vực đường đôi bên hông Công viên Tháp nước thì gặp C. C chạy đến đưa chiếc điện thoại của A cho G xem và nhờ G chờ C đi bán điện thoại, G không biết chiếc điện thoại trên là của A nên đồng ý nhưng bảo C chờ để G đi mua cháo cho con trước, sau đó G điều khiển xe đi mua cháo.

Trong khoảng thời gian G rời đi mua cháo, C tiếp tục giữ điện thoại của A và cùng A đi bộ về phía đường H gần Trung tâm Hội nghị tỉnh Bình T (nay thuộc phường P, tỉnh Lâm Đồng) để chờ G quay lại. Khoảng 05 phút sau, khi G quay lại khu vực Công viên Tháp nước thấy C và An đang đi bộ từ phía công viên hướng ra đường H nên G kêu Cảnh: *“Đi luôn đi, nếu mày không đi thì tao đi về”* và dừng xe cách C, A khoảng 10 mét, đầu xe quay ra hướng đường T. C nghe vậy thì trả lời G: *“đợi gọi điện thoại chút”* và cầm chiếc điện thoại của A định đi lại chỗ G. Lúc này, A phát hiện C có ý định mang điện thoại của mình đi nên đưa tay lên lấy lại điện thoại. Ngay khi A vừa cầm được chiếc điện thoại của mình, C bất ngờ dùng tay giật mạnh chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F từ tay A, rồi nhanh chóng bỏ chạy về phía G đang dừng xe, nhảy lên xe mô tô và nói G *“chạy đi”*. A lập tức chạy đuổi theo C nhưng không kịp. Thời điểm này, G ngồi trên xe mô tô quay mặt ra hướng đường T nên không nhìn thấy hành vi C giật điện thoại của A.

Do trước đó mượn điện thoại của A và được A cho biết mật khẩu mở màn hình điện thoại nên trên đường đi bán điện thoại, C nói cho G biết *“điện thoại vừa giật được của A”* và nói mật khẩu mở điện thoại cho G biết. Mặc dù biết rõ đây là tài sản do C phạm tội mà có nhưng vì được C hứa cho tiền, G vẫn đồng ý chờ C đi tìm nơi tiêu thụ. G chờ C đến tiệm sửa chữa, mua bán điện thoại của ông Trịnh Đức T tại địa chỉ số 32 đường N, G đi vào tiệm để bán điện thoại còn C đứng ngoài chờ. Quá trình giao dịch, G đọc mật khẩu C nói cho G biết để ông T mở khóa kiểm tra điện thoại. Do thấy G mở được mật khẩu điện thoại, ông T tin rằng đây là tài sản của G nên đã đồng ý mua lại với giá 3.000.000 đồng.

Sau khi bán được điện thoại, G nói dối C là chỉ bán được 2.500.000 đồng. C giữ lại 1.500.000 đồng và đưa cho G 1.000.000 đồng. Đối với số tiền 1.500.000 đồng có được do bán điện thoại của A, C đã tiêu xài hết 580.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, C hẹn gặp bạn gái là Lê Thị Kim T, C đưa 920.000 đồng nhờ T2 giữ hộ và nói dối T2 đây là số tiền C chơi game online thắng được.

Sau khi bị C chiếm đoạt tài sản, A đã đến Công an phường trình báo sự việc. Quá trình điều tra, các bị cáo MAI VĂN C và NGUYỄN VĂN G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Đối với Trịnh Đức T khi mua lại chiếc điện thoại di động OPPO Reno 12F từ NGUYỄN VĂN G T không biết điện thoại trên là tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan C sát điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Trịnh Đức T.

Đối với Lê Thị Kim T: Khi nhận số tiền 920.000 đồng từ C, T2 không biết nguồn gốc số tiền là bán tài sản do C thực hiện hành vi cướp giật mà có. Do đó, Cơ quan C sát điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Lê Thị Kim T.

Vật chứng của vụ án:

- Tạm giữ từ bị can Nguyễn Văn G:

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 012066, biển số 86B4-126.77 do Võ Đức Anh đứng tên chủ sở hữu;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 86B4-126.77; số máy 55P1-181946; số khung 5P10CY181943;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71, màu xanh ngọc; số seri R58NA1ZZ5YA;

- Tạm giữ từ Trịnh Đức T:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F 5G, màu trắng cam, mặt sau có 04 mắt camera, bộ nhớ 256GB, màn hình 6,67 inch, kiểu máy CPH 2637, số IMEI1: 867650077518516, số IMEI2: 867650077518508;

+ 01 (một) USB màu trắng có chữ Kingston, bên trong lưu trữ 02 đoạn video ghi lại hình ảnh G và C cầm thể điện thoại di động của A tại tiệm điện thoại của Trịnh Đức T;

- Tạm giữ từ Lê Thị Kim T: số tiền 920.000 (chín trăm hai mươi nghìn) đồng tiền Việt Nam.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phan Thiết kết luận: chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F, màu trắng cam, mặt sau có 04 mắt camera, số IMEI1: 867650077518516, số IMEI2: 867650077518508 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 29/4/2025) là 3.833.333 đồng (*ba triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F, Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Đàm Văn A là chủ sở hữu.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 86B4-126.77 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 012066: Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của Nguyễn Ngọc T, khi cho G mượn xe, Thắng không biết việc G mượn xe mô tô 86B4-126.77 để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã xử lý vật chứng, trả lại cho Thắng.

Đối với số tiền 920.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng đã ra Quyết định chuyển đến Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng tạm giữ chờ xử lý.

Đối với 01 USB màu trắng có chữ Kingston lưu trữ 02 đoạn video ghi lại hình ảnh NGUYỄN VĂN G đến tiệm điện thoại của Trịnh Đức T để bán điện

thoại do G đã chiếm đoạt của bị hại A, hiện được lưu cùng hồ sơ vụ án để phục vụ công tác xét xử.

Về dân sự:

Bị hại Đàm Văn A đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Ông Trịnh Đức T sau khi tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại di động OPPO Reno 12F trên cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

+ Bị cáo MAI VĂN C phạm tội “*Cướp giật tài sản*”

+ Bị cáo NGUYỄN VĂN G phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo MAI VĂN C từ 12 đến 18 tháng tù. Áp dụng Điều 56 để tổng hợp hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt NGUYỄN VĂN G từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 920.000 đồng do bị cáo C phạm tội mà có. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71 thu giữ của Nguyễn Văn G: quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân hợp pháp của bị cáo G, không liên quan đến công cụ, phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo G.

Tại phiên tòa, các bị cáo MAI VĂN C và NGUYỄN VĂN G xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng và không tranh luận gì, thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng, các bị cáo đã biết lỗi, ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, theo hồ sơ đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo MAI VĂN C và NGUYỄN VĂN G và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người bị hại ông Đàm Văn A vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức T và các người làm chứng bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn Ngọc T đều vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại đến việc xét xử do các lời khai của họ đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về căn cứ buộc tội đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29/4/2025, tại khu vực Công viên Tháp nước thuộc phường P, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo MAI VĂN C đã có hành vi bất ngờ dùng tay giật mạnh 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F màu trắng cam trị giá 3.833.333 đồng từ tay bị hại Đàm Văn A rồi chạy đến xe mô tô do NGUYỄN VĂN G đang nổ máy chờ sẵn để tẩu thoát. Trên đường đi tiêu thụ, NGUYỄN VĂN G mặc dù biết rõ chiếc điện thoại trên là do MAI VĂN C vừa cướp giật mà có nhưng vì hám lợi nên vẫn đồng ý chở C đến tiệm của ông Trịnh Đức T bán lấy số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi bán được tài sản, G đã nói dối C về giá bán để giữ lại 500.000 đồng và tiếp tục được C chia cho 1.000.000 đồng. Như vậy, thực tế NGUYỄN VĂN G đã trực tiếp thu lợi bất chính tổng số tiền 1.500.000 đồng từ việc phụ giúp tiêu thụ chiếc điện thoại của bị hại.

Hành vi công khai, nhanh chóng giật tài sản đang trong tay người bị hại trị giá 3.833.333 đồng rồi tẩu thoát của bị cáo MAI VĂN C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Hành vi chứa chấp, trợ giúp tiêu thụ tài sản của NGUYỄN VĂN G khi biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với 02 bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa

phương. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo MAI VĂN C: xét thấy hành vi cướp giật tài sản của bị cáo được thực hiện vào ngày 29/4/2025. Thời điểm này, bị cáo đã bị kết án về tội “Cướp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HSST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình T (cũ) chưa được xóa án tích mà lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, hành vi lần này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2025/HSST ngày 20/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng, do hành vi phạm tội của bản án này xảy ra vào ngày 17/3/2025 (trước khi Bản án số 90/2025/HSST được tuyên) nên bản án này không cấu thành tình tiết tăng nặng đối với bị cáo nhưng được Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá về mặt nhân thân khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn G: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân:

Đối với bị cáo MAI VĂN C: bị cáo là người có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém. Trước lần phạm tội này, bị cáo đã 02 lần bị xét xử về các tội xâm phạm quyền sở hữu tại Bản án số 90/2025/HSST ngày 18/3/2025 (về hành vi phạm tội ngày 03/7/2024) và Bản án số 157/2025/HSST ngày 20/11/2025 (về hành vi phạm tội ngày 17/3/2025), thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội (ngày 29/4/2025), bị cáo MAI VĂN C là người đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi. Hội đồng xét xử áp dụng các nguyên tắc xử lý và chính sách hình sự ưu đãi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 để lượng hình đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn G: bị cáo là người có nhân thân xấu. Mặc dù hành vi phạm tội trong vụ án này thực hiện trước các hành vi phạm tội tại Bản án số 150/2025/HSST ngày 12/11/2025 (về hành vi phạm tội ngày 29/8/2025) và Bản án số 66/2026/HS-ST ngày 28/4/2026 (về hành vi phạm tội ngày 08/8/2025) của Tòa án nhân dân Khu vực 10, nhưng điều đó cho thấy bị cáo liên tục thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật trong một khoảng thời gian ngắn, ý thức chấp hành pháp luật rất kém, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng là có căn cứ, phù hợp với tính chất hành vi của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Đàm Văn A đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức T tự nguyện giao nộp lại tài sản, không yêu cầu bồi thường về mặt dân sự. Quá trình điều tra bị hại ông Đàm Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức T đều có ý kiến rõ ràng về việc không yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền hay bồi thường bất kỳ khoản thiệt hại nào khác liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt và tiền mua điện thoại. Xét thấy, đây là quyền tự nguyện định đoạt hợp pháp của chủ sở hữu đối với tài sản được quy định tại Điều 194 Bộ luật Dân sự và phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, áp dụng hướng dẫn tại Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện này của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với các tài sản đã được Cơ quan điều tra trả lại: chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F và chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter (biển số 86B4-126.77) cùng Giấy đăng ký xe là tài sản hợp pháp của ông Đàm Văn A và ông Nguyễn Ngọc T. Xét thấy, trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan C sát điều tra đã xử lý các vật chứng nêu trên, trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền tạm giữ 920.000 đồng: quá trình điều tra, Cơ quan C sát điều tra đã tạm giữ số tiền 920.000 đồng do bị cáo MAI VĂN C giao cho bà Lê Thị Kim T; bà T2 tự nguyện giao nộp và không có tranh chấp gì. Xét thấy, đây là số tiền có nguồn gốc từ việc phạm tội mà có, đồng thời người có quyền lợi liên quan (ông T) đã từ chối nhận lại, do đó cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 920.000 đồng hiện đang tạm giữ này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71 thu giữ của Nguyễn Văn G: quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định đây là tài sản cá nhân hợp pháp của bị cáo G, bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại chiếc điện thoại nêu trên cho bị cáo G.

Đối với 01 USB nhãn hiệu Kingston chứa dữ liệu video: là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[9] Về các vấn đề khác: đối với ông Trịnh Đức T (người mua điện thoại) và bà Lê Thị Kim T (người giữ tiền hộ C) đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan C sát điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với họ là có căn cứ.

[10] Về án phí: các bị cáo MAI VĂN C và NGUYỄN VĂN G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo MAI VĂN C phạm tội “***Cướp giật tài sản***”.

Bị cáo NGUYỄN VĂN G phạm tội “***Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có***”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng: khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo MAI VĂN C **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù.

Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) năm 10 (mười) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2025/HSST ngày 20/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng (Bản án số 157/2025/HSST ngày 20/11/2025 đã tổng hợp hình phạt của Bản án số 90/2025/HSST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết). Buộc bị cáo MAI VĂN C phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là **08 (tám) năm 01 (một) tháng** tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: Tính từ ngày 02/5/2025. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ trước đó của Bản án số 90/2025/HSST (từ ngày 09/7/2024 đến ngày 18/7/2024).

2.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo NGUYỄN VĂN G **09 (chín) tháng** tù.

Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 150/HSST ngày 12/11/2025 và hình phạt 01 (một) năm tù tại Bản án số 66/2026/HS-ST ngày 28/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng. Buộc bị cáo NGUYỄN VĂN G phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là **05 (năm) năm 03 (ba) tháng** tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: Tính từ ngày 29/8/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận người bị hại ông Đàm Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức T không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

4. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 920.000 đồng (*chín trăm hai mươi nghìn đồng*) hiện đang được tạm giữ tại Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (theo chứng từ giao dịch số 06260070000000027 ngày 26/6/2026 tại Agribank Chi nhánh Bình T về nộp tang vật).

- Trả lại cho NGUYỄN VĂN G 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71, màu xanh ngọc, số seri: R58NA1ZZ5YA (*theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số NL 110/2026 ngày 26/6/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Lâm Đồng*)

- Tiếp tục lưu kho hồ sơ vụ án 01 USB màu trắng nhãn hiệu Kingston chứa dữ liệu camera chứng cứ.

5. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo MAI VĂN C, NGUYỄN VĂN G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Quyền kháng cáo của các bị cáo có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2026). Quyền kháng cáo của người bị hại ông Đàm Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức T vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Các bị cáo;
- Bị hại và NLQ;
- UBND địa phương nơi các b/c cư trú;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 10;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ

